

Bản án số: 65/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2025

V/v “tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Diễm**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**
2. Ông **Phạm Trung Thành**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Kim Luông** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Võ Liên Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 458/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Cao Quang Tr (Cao Quan Tr)**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp Mỹ Th xã Hậu M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Ú**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp Mỹ T xã Hậu M huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ông Tr có đơn xin giải quyết vắng mặt, bà Ú vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn ông Cao Quang Tr trình bày: Ông và bà Trần Thị Ú do quen biết và được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ hỏi, cưới vào năm 1999. Đăng ký kết hôn vào năm 2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà Ú thay đổi phong cách sống, ông khuyên nhủ thì bà Ú có thái độ bất đồng dẫn đến vợ chồng có những lời lẽ không tốt đối với nhau, từ đó phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mỗi người tự lập riêng. Chính thức ly thân từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay. Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Thị Huyền Tr, sinh ngày 25/5/1991 và Cao Quan Tr, sinh ngày 19/3/1993. Hiện các con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung: Có tài sản chung. Về nợ chung: Không có. Nay ông Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tr xin được ly hôn với bà Trần Thị Ú.
- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Ú đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà Ú vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản ý kiến trả lời.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa: Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Riêng bị đơn bà Trần Thị Ú không thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét đánh giá các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ông Cao Quang Tr được ly hôn bà Trần Thị Ú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với nguyên đơn ông Cao Quang Tr có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn bà Trần Thị Ú đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Quang Tr và bà Trần Thị Ú do quen biết tiến tới việc xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1999, có đăng ký kết hôn vào năm 2002. Sau thời gian chung sống vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn do bà Ú thay đổi phong cách sống, ông Tr khuyên nhủ thì bà Ú có thái độ bất đồng dẫn đến vợ chồng có những lời lẽ không tốt đối với nhau, từ đó phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mỗi người tự lập riêng. Chính thức ly thân từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay. Nay ông Tr yêu cầu được ly hôn với bà Ú. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Tr và bà Ú xác lập từ năm 2002. Sau thời gian chung sống vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay. Phía ông Tr xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với bà Ú, từ khi ly thân bà Ú cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, bị đơn bà Trần Thị Ú đã được triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà vẫn vắng mặt không rõ lý do chứng tỏ bà Ú không quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng với ông Tr, không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Tr và bà Ú là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho ông Tr được ly hôn bà Ú là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông Tr xác định các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Tr xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Tr xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông Cao Quang Tr phải án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Cao Quang Tr là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nên được miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 238, 235 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Quang Tr.

Cho ông Cao Quang Tr được ly hôn bà Trần Thị Ú.

2. Về án phí:

Ông Cao Quang Tr phải án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Cao Quang Tr là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nên được miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Cao Quang Tr và bà Trần Thị Ú có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Diễm

